

GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRỌNG HÀI HÒA CỦA VIỆT NAM TRONG CHÍNH SÁCH HÒA GIẢI VỚI CÁC NƯỚC LỚN

TS. NGUYỄN THỊ HỒNG MINH

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

ThS. NGUYỄN THỊ VÂN ANH

Trường Cao đẳng Kỹ thuật, Công nghệ Vĩnh Phúc

Ngày tiếp nhận: 30/11/2025 Ngày bình duyệt: 10/12/2025 Ngày duyệt đăng: 20/12/2025

● **Tóm tắt:** *Coi trọng hài hòa là giá trị xuyên suốt trong chính sách ngoại giao của Việt Nam với các nước lớn, thể hiện qua quá trình gìn giữ và bảo vệ nền độc lập dân tộc. Văn hóa coi trọng hài hòa thể hiện ở tinh thần hòa giải, hướng tới hòa bình, ổn định, tránh các nguy cơ xung đột dẫn tới chiến tranh. Dưới sự chi phối của yếu tố địa chính trị, lịch sử Việt Nam đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh với các cường quốc khác nhau trên thế giới. Sau khi các cuộc chiến đi qua, Việt Nam luôn nhất quán với chính sách hòa giải, khép lại quá khứ hướng tới tương lai. Logic này được thể hiện trong tư tưởng và hành động của cha ông chúng ta từ xưa đến nay.*

● **Từ khóa:** *Giá trị hài hòa, chính sách ngoại giao, hòa giải, Việt Nam*

1. Giá trị văn hóa coi trọng hài hòa của Việt Nam

Văn hóa trọng hài hòa của Việt Nam đề cao sự đồng thuận, hợp tác hướng tới ổn định, tránh cạnh tranh đối đầu và xung đột. Theo Trần Đình Hượu đó là giá trị “Tinh thần dung hòa, ưa sự bình ổn”¹. Trần Ngọc Thêm cũng cho rằng “Tính ưa hài hòa”² là đặc trưng của văn hóa người Việt. Đặc trưng này biểu hiện xuyên suốt trong hệ giá trị truyền thống của người Việt,

trong cách tổ chức đời sống xã hội và đặc biệt là trong cách thức ứng xử với nước lớn qua nhiều thời kỳ lịch sử. Từ góc nhìn này, hài hòa trở thành một nguyên tắc quản trị đời sống chung của cộng đồng nhằm tạo ra sự ổn định, hòa bình và phát triển. Khi đối mặt với một sự việc, người Việt thường đặt trọng tâm vào việc cân bằng giữa “tình” và “lý”. Những cách nói phổ biến như “có tình có lý”, “hợp tình hợp lý”, “thấu tình đạt lý” cho thấy xã hội coi trọng việc hòa giải

giữa các yếu tố cảm tính và lý tính. “Lý” nếu quá cứng nhắc sẽ gây tổn thương các mối quan hệ; “tình” nếu quá thiên lệch sẽ dẫn tới thiếu công bằng; vì thế, giải quyết ổn thỏa là đạt đến điểm cân bằng giữa hai yếu tố.

Hoàng Ngọc Hiến từng nhận xét rằng văn hóa Việt Nam nằm trong không gian minh triết phương Đông, nơi tư duy mang khuynh hướng “dịch lý hơn chân lý”. Hiểu theo nghĩa này, con người phương Đông thường không đi truy cứu tuyệt đối đúng - sai; thay vào đó, họ thiên về sự vận động, biến đổi, thích ứng (“dịch”), nhấn mạnh sự phù hợp với hoàn cảnh cụ thể hơn là nguyên tắc tuyệt đối. Đây cũng là tinh thần mà triết gia Pháp François Jullien đã chỉ ra khi phân biệt giữa triết học phương Tây và minh triết phương Đông: “Triết học (phương Tây) trọng chân lý [vérité] (tức là bàn cho ra phải trái, đúng sai). Minh triết (phương Đông) trọng sự thỏa đáng [congruence] (đúng sai cũng quan trọng nhưng không quan trọng lắm, miễn là thỏa đáng)”³. Tính chất “dịch lý” nhằm đạt được sự hài hòa, đồng thuận và cân bằng, nhấn mạnh sự linh hoạt, uyển chuyển, xử lý theo từng bối cảnh cụ thể. Mục đích sau cùng không phải là xác lập chân lý khách quan, mà là tạo dựng sự đồng thuận xã hội, bảo đảm ổn định và duy trì hòa khí. Chính vì lẽ đó, trong văn hóa Á Đông nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng không coi trọng cạnh tranh, đối đầu trực diện, tranh luận hay tranh biện để đi đến tận cùng thắng - thua. Trong *Nam Hoa Kinh*, chương *Tề vật luận* có viết: “Giả sử tôi tranh biện với anh mà anh thắng tôi thì có nhất định là anh phải, tôi trái không? Nếu tôi thắng anh thì có nhất định là tôi phải, anh trái không? Trong chúng ta có một người phải, một người trái? Hay là

cả hai chúng ta đều phải cả hoặc đều trái cả? Anh và tôi làm sao biết được điều đó? Mà một người thứ ba nào khác thì cũng hồ đồ không biết được, lựa ai sáng suốt làm trọng tài đây?...”⁴. Do đó, điều được đề cao hơn cả chính là sự thông suốt trong tư tưởng, trong ý thức từ đó điều chỉnh hành vi trong khuôn khổ chuẩn mực và cuối cùng đạt được sự cân bằng hài hòa. F.Jullien gọi đây là “minh triết phương Đông”⁵.

2. Giá trị coi trọng hài hòa trong chính sách hòa giải của Việt Nam với Trung Quốc

Chính sách hòa giải của Việt Nam trong quan hệ với Trung Quốc không phải là một sự lựa chọn tình thế mà là sự thể hiện triết lý đối ngoại truyền thống. Triết lý này được hình thành từ hoàn cảnh địa - chính trị đặc thù khi Việt Nam là nước ở vị trí cửa ngõ Đông Nam Á, nằm sát một quốc gia có nền văn minh lớn, nhiều lần bành trướng lãnh thổ, với thực lực vượt trội trên mọi phương diện. Sự chênh lệch này khiến bất kỳ xung đột quân sự nào với Trung Quốc cũng đều mang tính chất sống còn. Từ đó, các triều đại Việt Nam đã phát triển một tư duy ngoại giao thực tế nhưng đầy bản sắc, ưu tiên “hòa hiếu” nhưng không chấp nhận “phụ thuộc”, mềm dẻo nhưng không bao giờ nới lỏng chủ quyền. Chính sự khéo léo trong lựa chọn cách ứng xử linh hoạt đó đã trở thành nét đặc trưng nhất quán trong văn hóa đối ngoại của dân tộc Việt Nam. Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* đã từng nhận xét: “Trong việc trị nước, hòa hiếu với nước láng giềng là việc lớn... Nước Việt ta có cả cõi đất phía Nam mà thông hiếu với Trung Hoa, tuy nhân dân dựng nước có quy mô riêng, nhưng ở trong thì xưng đế, mà đối ngoại thì xưng vương, vẫn chịu phong hiếu, xét lý thế

lực phải như thế”⁶. Đây là một nhận định thể hiện sự tinh táo trong xử lý quan hệ láng giềng với nhiều yếu tố bất đối xứng. Việc “xưng vương - nhận sắc phong” không phải là sự khuất phục về thực chất mà là một chiến lược ngoại giao khôn khéo, nhằm duy trì hòa bình để củng cố sức mạnh nội tại. Đây là biểu hiện của giá trị coi trọng hài hòa - hòa để giữ nước, hòa để phát triển, hòa nhưng không bị đồng hóa.

(1) Hòa giải sau chiến thắng

Trong suốt chiều dài lịch sử, nghệ thuật ngoại giao của Việt Nam luôn gắn liền với những chiến thắng quân sự vang dội nhưng đồng thời cũng thể hiện sự khoan hòa và tầm nhìn xa. Sau khi đánh tan quân Tống, Lý Thường Kiệt đã chủ động mở đường thương thuyết, giữ thể diện cho đối phương để tránh kéo dài xung đột. Tinh thần ấy tiếp tục được kế thừa trong thời Trần, khi các vua quan không chỉ ba lần đánh bại Nguyên - Mông mà còn biết cách kết thúc chiến tranh trong thế chủ động. Lê Lợi và Nguyễn Trãi cũng đi theo truyền thống ấy khi trận thắng Chi Lăng kết thúc, thay vì tận diệt, họ mở đường cho quân Minh rút lui trong danh dự. Đây là một lựa chọn mang tính chiến lược nhằm khẳng định sức mạnh quân sự nhưng tránh tạo cớ cho triều Minh tái gây hấn. Đặc biệt, Quang Trung - người làm nên chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa năm 1789, tuy ở thế thượng phong vẫn nhanh chóng gửi sứ sang Yên Kinh cầu hòa, chuẩn bị khôi phục quan hệ bang giao ổn định với nhà Thanh. Trong thư cầu hòa này, vua Quang Trung khéo léo viết: “Kể ra lấy đường thiên triều so được thua với nước mọi rợ nhỏ mọn, tất phải đánh đến cùng... chắc lòng thánh đế không nỡ thế. Lỡ ra quân đánh triều miên mãi không thôi... thật không phải lòng thần mong

muốn”⁷. Dưới triều Nguyễn, từ Gia Long đến triều đại của Minh Mạng đều đã cố gắng phát huy truyền thống ngoại giao của dân tộc, tái lập quan hệ ngoại giao và bình thường hóa quan hệ với Trung Hoa để ổn định và phát triển đất nước. Gia Long tiếp tục đường lối “trong xưng đế, ngoài xưng vương” trong quan hệ với nhà Thanh. Tuy khéo nhún nhường, mềm dẻo, nhưng các vua đầu triều Nguyễn vẫn thể hiện vai trò là hoàng đế của một quốc gia độc lập đối với nhà Thanh (Trung Hoa). Từ những chiến công và đối sách ấy, có thể thấy rõ triết lý ngoại giao Việt Nam: lấy chiến thắng để khẳng định chủ quyền, lấy hòa hiếu để bồi đắp hòa bình, và kết hợp cả hai để kiến tạo nền an ninh bền vững cho dân tộc.

(2) Hòa hiếu thông qua “Triều cống”

Trong hệ thống bang giao truyền thống Đông Á, quan hệ “thiên triều - chư hầu” là một mô thức phổ biến. Trong lịch sử, Việt Nam đã thực hiện việc triều cống đối với thiên triều Trung Hoa song việc triều cống này không mang nghĩa thần phục mà là một sự tính toán thực tế. Triều cống được xem như công cụ hòa giải nhằm duy trì quan hệ ổn định với Trung Hoa, tránh những can thiệp quân sự từ nước lớn, đồng thời tạo điều kiện mở rộng giao thương văn hóa - kinh tế. Lịch sử cũng cho thấy, thiên triều Trung Hoa chỉ sắc phong cho vương triều Việt khi họ bị thua trên mặt trận quân sự, và vì là nước nhỏ nên dù chiến thắng trên mặt trận quân sự nước Việt vẫn gửi thư hòa hiếu và thực hiện “triều cống” Trung Hoa.

Rõ ràng, hòa hiếu và triều cống là nhằm phục vụ kế sách lâu dài, gìn giữ hòa bình và hơn hết là bảo toàn độc lập dân tộc. Đây là vấn đề mang tính nguyên tắc trong quan hệ bang giao của Việt Nam với nước lớn láng giềng Trung Hoa. Các triều đại Việt Nam

sớm nhận thức rằng xung đột kéo dài với Trung Hoa luôn là một nguy cơ lớn. Chính vì vậy, tư duy hòa hiếu được xem là phương sách tối ưu để bảo toàn lực lượng, dưỡng sức dân, củng cố nội trị và tạo điều kiện cho sự phát triển dài hạn. Trong lịch sử, sau mỗi lần chiến thắng, các triều đình đều chủ động khôi phục quan hệ ngoại giao, không phải vì yếu thế mà vì hiểu rằng hòa bình mới là môi trường cần thiết để phục hồi sản xuất, ổn định đời sống và tái thiết quốc gia. Từ góc nhìn chiến lược, hòa giải đối với Việt Nam luôn mang tính chủ động. Đó là sự lựa chọn của một quốc gia biết rõ vị trí, khả năng và giới hạn của mình, đồng thời biết cách biến ngoại giao mềm dẻo thành lá chắn bảo vệ chủ quyền. Sự hòa hiếu ấy không phải là sự nhún nhường thụ động hay sự chấp nhận phụ thuộc, mà là bản lĩnh của một nền chính trị coi trọng lợi ích dân tộc trước hết và biết sử dụng hòa hiếu như một thứ “sức mạnh mềm” để hóa giải bất đối xứng quyền lực với láng giềng lớn. Nhờ tư duy này, Việt Nam không chỉ vượt qua nhiều thời kỳ khó khăn mà còn khẳng định được một mô hình ứng xử có tầm nhìn, trong đó hòa giải được xem là công cụ để duy trì độc lập và thúc đẩy phát triển, chứ không phải là sự nhượng bộ yếu đuối trước sức ép bên ngoài.

3. Giá trị coi trọng hài hòa trong chính sách hòa giải của Việt Nam với Pháp

Trong lịch sử hiện đại, quan hệ Việt - Pháp đã chứng kiến những phát triển tốt đẹp cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Đây là kết quả của nỗ lực ngoại giao nhằm khép lại quá khứ, hướng tới tương lai của cả hai quốc gia. Nhìn từ Việt Nam có thể thấy sự nhất quán trong logic chính sách ngoại giao là ưu tiên hòa giải hướng tới hòa bình, độc lập dân tộc và phát triển. Ngay sau khi

giành độc lập, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã lựa chọn đối sách ngoại giao mềm dẻo nhằm duy trì hòa bình trong bối cảnh chính quyền còn non trẻ. Thay vì đối đầu trực diện, Việt Nam chủ động đề xuất thiết lập quan hệ với Pháp trên cơ sở “độc lập trong Liên hiệp Pháp” - một giải pháp dung hòa giữa khát vọng tự chủ dân tộc và nhu cầu tranh thủ môi trường quốc tế thuận lợi. Trong Lời kêu gọi Chính phủ và nhân dân Pháp (10/01/1947), Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Chúng tôi bao giờ cũng muốn cộng tác với dân tộc Pháp như anh em, trong hòa bình và tin tưởng lẫn nhau (...) Chúng tôi bao giờ cũng muốn kiến thiết lại nước chúng tôi với sự giúp đỡ của tư bản và các nhà chuyên môn Pháp để mưu lợi ích chung cho cả hai dân tộc”⁸, bởi nước Pháp “đã cống hiến rất nhiều cho văn hóa, khoa học và văn minh”⁹. Trong chuyến thăm Pháp năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định: “Tôi tin rằng sự hợp tác thành thực và thân thiện của hai nước sẽ là một gương lớn cho thế giới biết rằng, với một sự tin cậy lẫn nhau, những dân tộc tự do và bình đẳng vẫn có thể giải quyết những vấn đề khó khăn nhất”¹⁰.

Mặc dù buộc phải bước vào cuộc kháng chiến kéo dài chín năm (từ 1946 đến 1954) sau khi lời đề nghị đối thoại không được đáp lại, nhưng Việt Nam vẫn không từ bỏ khát vọng ngoại giao hòa hiếu ngay sau chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Geneva. Cuối năm 1954, Chính phủ Việt Nam đã chủ động mở cửa để Pháp thành lập cơ quan tổng đại diện tại Hà Nội - một bước đi mang tính thiện chí rõ nét. Sau đó, qua các giai đoạn thăng trầm, hai bên từng bước tăng cường độ tin cậy: từ việc lập đại diện thương mại tại Paris (1956), nâng lên cấp tổng đại diện (1966), rồi đến lập đại sứ

quán (1973) và quan hệ hai nước đã được nâng lên Đối tác chiến lược (2013). Lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch năm xưa đã được phúc đáp từ chính phủ Pháp hiện tại và hơn 50 năm qua, mối quan hệ Việt - Pháp đã chứng kiến sự phát triển vượt bậc trên tinh thần khép lại quá khứ, hướng tới tương lai. Mới đây, Tổng thống Pháp Emmanuel Macron đã có chuyến thăm chính thức đầu tiên tới Việt Nam tiếp tục củng cố cam kết đối thoại và hợp tác toàn diện giữa hai nước trong bối cảnh tình hình quốc tế lẫn khu vực có nhiều diễn biến phức tạp.

4. Giá trị coi trọng hài hòa trong chính sách hòa giải của Việt Nam với Mỹ

Quan hệ Việt - Mỹ có thể coi là trung tâm của chính sách đối ngoại Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ qua. Sau 50 năm ngày thống nhất đất nước, Việt Nam đã thực hiện các nỗ lực hòa giải, cũng như liên tục thúc đẩy quan hệ Việt - Mỹ nhằm khẳng định tính logic trong chính sách đối ngoại của Việt Nam là: Hòa giải hướng tới hòa bình và phát triển. Ngày 10/9/2023, hai nước chính thức nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược toàn diện vì hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững. Đây là thành tựu to lớn trong quan hệ Việt - Mỹ qua quá trình hòa giải, hàn gắn và xây dựng lòng tin giữa hai nước kéo dài hơn nửa thế kỷ qua. Sau khi thống nhất đất nước, Việt Nam đã sớm bày tỏ mong muốn thiết lập quan hệ bình thường với Hoa Kỳ, thể hiện một tầm nhìn đối ngoại hướng về hòa giải thay vì nuôi dưỡng đối đầu. Năm 1977, Việt Nam tiến hành đàm phán trực tiếp với phái đoàn Mỹ tại Paris; năm 1978, Thứ trưởng Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch tiếp tục khẳng định thiện chí bình thường hóa quan hệ, bất chấp tình thế quốc tế bất lợi. Dù các cuộc tiếp xúc không mang lại kết quả do bất đồng

trong quan điểm về bồi thường chiến tranh, viện trợ và ảnh hưởng của Chiến tranh Lạnh, Hà Nội vẫn kiên trì thông qua đa dạng các kênh đối thoại. Trong suốt thời gian dài sau chiến tranh, Việt Nam đã thực hiện các yêu cầu từ Mỹ liên quan đến vấn đề lính Mỹ mất tích - nỗ lực giải quyết vấn đề POW (Prisoner of War)/MIA (Missing in Action) qua năm đời Tổng thống Mỹ. Bên cạnh những rào cản của nhiều lực lượng trong và ngoài nước Mỹ, Việt Nam đồng thời cũng nhận được sự chung sức của các cựu binh Mỹ, những người Mỹ phản chiến ủng hộ bình thường hóa quan hệ hai nước, nổi bật là Thượng nghị sĩ Đảng Cộng hòa John McCain và Thượng nghị sĩ Đảng Dân chủ, John Kerry.

Trước những nỗ lực từ các hoạt động ngoại giao chính thức lẫn phi chính thức, Việt - Mỹ đã nối lại các cuộc thảo luận giữa Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Richard Armitage và Ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch vào các năm 1982, 1984, 1986 và 1987 đàm phán về bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ chính thức được nối lại. Kết quả của những nỗ lực kéo dài đó là vào ngày 4/2/1994, *Tạp chí Time* giật tít trang nhất “Clinton tháo bỏ lệnh cấm vận kéo dài 19 năm với Việt Nam”. Hơn một năm sau, ngày 11/7/1995, Tổng thống Bill Clinton triệu tập các thành viên chính phủ, các lãnh đạo quân đội, quốc hội, các nhóm cựu chiến binh tới Nhà Trắng. Đứng trên bục, ông tuyên bố: “Ngày hôm nay, tôi tuyên bố bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Khoảnh khắc này đem lại cho chúng ta cơ hội để khép lại những vết thương quá khứ. Những vết thương này đã âm ỉ quá lâu. Giờ đây chúng ta có thể tiến về phía trước trên một nền tảng chung. Hãy để chúng ta bỏ lại đằng sau những

gì từng chia rẽ chúng ta trước kia. Hãy để khoảnh khắc này, như lời kinh thánh nói, là thời khắc để hàn gắn, và thời khắc để dựng xây tương lai”¹¹. Đây là sự kiện đánh dấu hai nước chính thức bình thường hóa quan hệ ngoại giao, mở ra một giai đoạn hợp tác mới. Tất cả những nỗ lực đó một lần nữa cho thấy, Việt Nam không chỉ dựa vào sức mạnh quân sự để khẳng định độc lập, mà còn kiên trì theo đuổi con đường đối thoại hòa bình như một chiến lược dài hạn để vừa giữ gìn độc lập vừa hội nhập với thế giới.

Trong cuốn hồi ký *Nothing Is Impossible: America's Reconciliation with Vietnam* (Không gì là không thể: Hòa giải của Mỹ với Việt Nam), Ted Osius - cựu Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam (2014 - 2017) đã mô tả những hình ảnh giàu tính biểu tượng trong quan hệ hai nước về việc hàng trăm nghìn người dân Việt Nam đã ra đường chào đón Tổng thống Bill Clinton năm 2000 và Tổng thống Barack Obama năm 2016. Những khoảnh khắc này, theo Osius, phản ánh không chỉ sự hiếu khách truyền thống, mà còn là cách người Việt Nam bày tỏ thái độ cởi mở, hướng tới tương lai, sẵn sàng gác lại những ký ức đau thương của chiến tranh để xây dựng một quan hệ mới dựa trên tin cậy và hợp tác. Sự đón tiếp nồng nhiệt từ phía người dân đã gửi đi thông điệp mạnh mẽ rằng, hòa giải không chỉ là quyết định của giới lãnh đạo mà còn là khát vọng của cộng đồng; không chỉ thông qua các thỏa thuận giữa các nhà chính trị, mà còn bằng sự đồng thuận xã hội rộng rãi. Trong bài phát biểu tại phiên điều trần xác nhận việc bổ nhiệm đại sứ trước Ủy ban Đối ngoại Thượng viện vào năm 2014, ông Ted Osius một lần nữa khẳng định “tinh thần tha thứ và hòa giải” của người Việt Nam thể hiện

rõ trong hành động của chính phủ đến suy nghĩ và cử chỉ của mỗi người dân.

Rõ ràng, giá trị văn hóa đề cao hòa hiếu, lấy hài hòa và ổn định làm trọng tâm, kiên định với độc lập tự chủ đã được thể hiện một cách nhất quán trong chính sách đối ngoại của Việt Nam với các nước lớn. Từ việc coi trọng hòa hiếu đến tư duy “dịch lý” linh hoạt, Việt Nam luôn chủ trương hòa giải để khép lại quá khứ, xây dựng lòng tin và thúc đẩy hợp tác vì hòa bình, độc lập và phát triển bền vững. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, nguy cơ căng thẳng chính trị và xung đột diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới đưa đến những hậu quả nghiêm trọng cho người dân các nước, càng đòi hỏi hòa hiếu trên tinh thần “dĩ bất biến ứng vạn biến” là trọng tâm hàng đầu trong chiến lược ngoại giao của Việt Nam. ■

¹ Trần Đình Hượu (1996): “Về vấn đề tìm đặc sắc văn hóa dân tộc”, trong *Đến hiện đại từ truyền thống*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.

² Trần Ngọc Thêm (2015): *Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện tại*, Nxb. Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

^{3,5} F. Jullien (2003): *Minh triết phương Đông & Triết học phương Tây*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, tr.167.

⁴ Hoàng Ngọc Hiến (2015): *Văn hóa “chân lý” và văn hóa “dịch lý”* - Phần II, <https://caphesach.wordpress.com/2015/06/21/van-hoa-chan-ly-va-van-hoa-dich-ly-phan>, truy cập ngày 30/9/2025.

⁶ Phan Huy Chú (1961): *Lịch triều hiến chương loại chí - Bang giao chí* (bản dịch Viện Sử học), Nxb. Sử học, Hà Nội, tr.135-136.

⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn (1993): *Đại Nam liệt truyện*, Nxb. Thuận Hóa, t.2, tr.522.

⁸ Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.5, tr.24.

^{9,10} Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Sđd t.4, tr.75, 304 - 305.

¹¹ William. J.Clinton (1995): *Remarks Announcing the Normalization of Diplomatic Relations With Vietnam*, https://www.presidency.ucsb.edu/documents/remarks-announcing-the-normalization-diplomatic-relations-with-vietnam?utm_source=chatgpt.com, truy cập ngày 25/10/2025.